

Số: 65/2022/QĐST-HNGĐ

Bình Sơn, ngày 06 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm TY, thôn Diên Lộc, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm TY, thôn Diên Lộc, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Văn V, sinh năm 2001; địa chỉ: Xóm TY, thôn Diên Lộc, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Cháu Lê Thị Kim Ph, sinh năm 2011; người đại diện hợp pháp của cháu Ph là ông Lê Văn Ng, bà Nguyễn Thị Th; cùng địa chỉ: Xóm TY, thôn Diên Lộc, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 48, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 và văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi là anh Lê Văn V về việc đồng ý với nội dung ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành nêu trên.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn V vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến đồng ý với nội dung thỏa thuận ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành nêu trên;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Kim Ph, sinh ngày 25/8/2011 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Lê Văn Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như đã nêu trên để bà Nguyễn Thị Th thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Thị Kim Ph mỗi tháng 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng); thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Lê Thị Kim Ph đủ 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung: Ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị Th đề nghị Tòa án ghi nhận trong quyết định về việc ông Ng, bà Th tự phân chia tài sản chung khi ly hôn trước khi Tòa án tiến hành hòa giải như sau:

2.3.1. Giao cho ông Lê Văn Ng được sở hữu nhà ở và toàn bộ tài sản khác gắn liền với thửa đất số X, tờ bản đồ số 9, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; riêng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số X nêu trên (đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 119349, sổ vào sổ 00872QSĐĐ/578/QĐUB/H ngày 26/12/1998, chỉnh lý biến động sang tên ông Lê Văn Ng ngày 10/01/2014) là tài sản riêng của ông Lê Văn Ng.

2.3.2. Ông Lê Văn Ng có nghĩa vụ Th toán cho bà Nguyễn Thị Th giá trị chênh lệch đối với nhà ở và toàn bộ tài sản khác gắn liền với thửa đất số X nêu trên là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thời hạn, phương thức Th toán như sau: Ngay sau khi quyết định công nhận thuận ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án giải quyết vụ án nêu trên có hiệu lực pháp luật thì ông Lê Văn Ng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và đến ngày 26/11/2023, ông Lê Văn Ng tiếp tục thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th số tiền còn lại là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2.3.3. Giao cho ông Lê Văn Ng được quyền sử dụng thửa đất số Y, tờ bản đồ số 31, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 500237, sổ vào sổ H.03787 ngày 31/12/2007).

2.3.4. Giao cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng thửa đất số L, tờ bản đồ số 24, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 005769, sổ vào sổ CH 08568 ngày 23/8/2019) và thửa đất số N, tờ bản đồ số 25, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 005770, sổ vào sổ CH 08569 ngày 23/8/2019).

2.3.5. Ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị Th mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản là các cây keo hiện nay trồng trên các thửa đất số Y, L, N nêu trên.

2.3.6. Giao cho ông Lê Văn Ng được quyền sở hữu các tài sản gồm 01 (một) bộ ghế salon gỗ, 01 (một) tủ gỗ và giao cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu các tài sản gồm 01 (một) tủ lạnh Samsung, 01 (một) máy giặt Sanyo, 01 (một) máy lọc nước; hiện nay các tài sản này hiện do bà Th đang quản lý, sử dụng trong ngôi nhà gắn liền thửa đất số X nêu trên.

2.4. Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

2.5. Về chi phí tố tụng:

2.5.1. Ông Lê Văn Ng chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) (đã nộp xong).

2.5.2. Bà Nguyễn Thị Th chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); do ông Lê Văn Ng đã tạm ứng nên bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn Ng số tiền

8.000.000 đồng (tám triệu đồng) này.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.6.1. Ông Lê Văn Ng tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 7.062.500 đồng (bảy triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) mà ông Lê Văn Ng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003549 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; hoàn trả cho ông Lê Văn Ng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 6.762.500 đồng (sáu triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

2.6.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.875.000 đồng (hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Th đã nộp theo biên lai thu số 0003838 ngày 27/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đô